

Bản án số: 94/2020/HS-PT

Ngày: 03 - 12 - 2020

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tiến

Các Thẩm phán: Ông Dương Quốc Tuấn

Ông Nguyễn Hồng Thanh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Kim Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 67/2020/TLPT-HS ngày 01 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo Trần Hữu V do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2020/HS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã 3, tỉnh Hậu Giang.

**- Bị cáo có kháng cáo:**

**Trần Hữu V**; sinh năm: 1984 tại tỉnh Hậu Giang; nơi cư trú: Số 0.1, đường số 0.2, khu tái định cư 0.3, khu vực 1, phường 2, quận 3, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp, chức vụ trước khi phạm tội: Phó Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã 3 (đã bị tạm đình chỉ công tác từ ngày 16/3/2020 đến nay), trước khi phạm tội là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam (đã bị khai trừ đảng theo Quyết định số 2699-QĐ/TU ngày 20/02/2020 của Ban thường vụ Thị ủy 3); trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H và bà Hồ Thị H1; có vợ là Nguyễn Thị Thiên D; có 01 người con sinh ngày 09/3/2020; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Nguyễn Bác A – Luật sư của Văn phòng Luật sư SK, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ. Có mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn có những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên tại phiên tòa phúc thẩm không triệu tập.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Hữu V được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã 3, tỉnh Hậu Giang thời hạn 05 năm từ ngày 26/7/2016 và được phân công nhiệm vụ, quyền hạn: Trực tiếp chỉ đạo các lĩnh vực công tác tiếp nhận và trả kết quả tại bộ phận một cửa; ký hồ sơ chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất, hồ sơ đăng ký thế chấp,... Từ ngày 03/6/2019 V được phân công ký tất cả các hồ sơ chuyên môn phụ trách thuộc địa bàn các xã, phường: 1, 2, 3, 4.

Tháng 11/2019 ông Trần Anh K tự mình và nhờ người bạn trên mạng xã hội facebook địa chỉ “Huỳnh Ngọc Đăng H3” (không rõ nhân thân lai lịch) đăng tải lên mạng xã hội facebook các nội dung có liên quan đến hành vi nhận hối lộ của Trần Hữu V.

Kết quả điều tra xác định, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, thông qua việc giải quyết hồ sơ đất đai, Trần Hữu V đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn gọi điện thoại và nhắn tin xin tiền người nộp hồ sơ liên quan đến đất đai; do sợ bị V gây khó khăn nên ông K và bà Phan Ngọc L đã đưa tiền cho V, cụ thể:

*1. Nhận tiền của ông Trần Anh K 03 (ba) lần tổng số tiền là 4.500.000 đồng.*

Lần thứ nhất, vào ngày 24/4/2019, ông Trần Anh K đến bộ phận một cửa của Ủy ban nhân dân (UBND) thị xã 3 nộp hồ sơ làm thủ tục nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Phạm Hoàng Đ và bà Phạm Thị Xuân P, gồm các thửa đất số 549, 550 và 551, tờ bản đồ số 0.1, theo 03 (ba) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS123, CS124 và CS125. Sau khi tiếp nhận hồ sơ của ông K, trong các ngày 25, 26/4/2019, V gọi điện thoại và nhắn tin qua mạng xã hội Zalo cho ông K với mục đích xin tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng và nhắn số tài khoản 123456789 của V được mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Ngân hàng AGRIBANK) để ông K chuyển tiền. Ngày 26/4/2019, ông K nộp số tiền 1.500.000 đồng vào số tài khoản của V. Đến ngày 02/5/2019, ông K nhận được 03 (ba) Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do V là người ký duyệt.

Lần thứ hai, vào ngày 08/5/2019, ông Trần Anh K đến bộ phận một cửa của UBND thị xã 3 nộp hồ sơ làm thủ tục đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất các thửa đất số 549, 550 và 551 để vay tiền tại Ngân hàng AGRIBANK Chi nhánh thị xã 3. Sau khi tiếp nhận hồ sơ của ông K, V gọi điện thoại để xin số tiền 2.000.000 đồng và hẹn nơi giao tiền. Ông K đã đưa trực tiếp cho V số tiền 2.000.000 đồng tại gần trụ sở Bảo hiểm xã hội thị xã 3. Ngay trong ngày 08/5/2019, ông K được nhận hồ sơ đăng ký thế chấp do V là người ký duyệt.

Lần thứ ba, vào ngày 23/9/2019, ông Trần Anh K đến bộ phận một cửa của UBND thị xã 3 nộp hồ sơ làm thủ tục nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ bà Nguyễn Ngọc T, gồm các thửa đất số 1769 và 1770, tờ bản đồ số 01, theo 02 (hai) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS0123 và CS011234. Sau khi tiếp nhận hồ sơ của ông K, V gọi điện thoại xin số tiền 2.000.000 đồng, cùng ngày 23/9/2019, ông K chuyển số tiền 1.000.000 đồng từ tài khoản của ông K vào số tài khoản 123456789 của V. Ngày 27/9/2019, ông K được nhận 02 (hai) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do V là người ký duyệt.

## *2. Nhận tiền của bà Phan Ngọc L 01 (một) lần, số tiền là 1.000.000 đồng.*

Vào ngày 18/12/2018, bà Phan Ngọc L đến bộ phận một cửa của UBND thị xã 3 nộp hồ sơ làm thủ tục biến động về đất, xin cấp đổi theo mẫu Giấy chứng nhận mới, điều chỉnh địa chỉ thửa đất, điều chỉnh địa chỉ thường trú và điều chỉnh Chứng minh nhân dân thành căn cước công dân của thửa đất số 2123, tờ bản đồ số 0.2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01, cả hai thửa đất đều do ông Đặng Công N (là chồng của bà L) đứng tên. Do cần bổ sung thêm một số thủ tục nên hồ sơ kéo dài, từ đó bà L nhờ V giải quyết giúp. Vào ngày 28/5/2019, V nhắn tin qua mạng xã hội Zalo cho bà L với nội dung xin tiền và gửi số tài khoản 123456789 để bà L chuyển tiền. Do sợ V gây khó khăn và mong muốn được giải quyết hồ sơ nhanh nên trong cùng ngày bà L chuyển số tiền 1.000.000 đồng vào số tài khoản của V. Tuy nhiên, đến khi hành vi phạm tội bị phát hiện, V vẫn chưa giải quyết xong hồ sơ của bà L.

*Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2020/HS-ST, ngày 21 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã 3, tỉnh Hậu Giang quyết định:*

Áp dụng điểm a khoản 1, 5 Điều 354; khoản 7 Điều 364; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; khoản 3 Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Hữu V phạm tội “Nhận hối lộ”;

Xử phạt bị cáo Trần Hữu V 01 (Một) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ nhất định trong thời gian 03 (Ba) năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về phần xử lý vật chứng; án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, bị cáo Trần Hữu V kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Xét thấy, bị cáo được tặng bằng khen vì có thành tích xuất sắc trong công tác nên đề nghị xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự cho bị cáo. Mức án mà cấp sơ thẩm đã xét xử là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Việc xét xử bị cáo về tội “Nhận hối lộ” là có phần nghiêm khắc nhưng do bị cáo không kháng cáo nên thống nhất về tội danh. Đối với tình tiết giảm nhẹ cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết bị cáo được Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen do có thành tích xuất sắc trong công tác theo khoản 2 Điều 51 là không đúng, bởi lẽ đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Mặt khác, cấp sơ thẩm trích dẫn khoản 3 Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xét xử bị cáo dưới khung hình phạt là không chính xác. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo Trần Hữu V có đơn kháng cáo đúng theo quy định tại các Điều 331, Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên chấp nhận xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội theo như nội dung cáo trạng và bản án sơ thẩm. Đối chiếu lời khai của bị cáo và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Khi đang giữ chức vụ Phó Giám đốc Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã 3, bị cáo đã lợi dụng việc mình đang có quyền hạn ký các hồ sơ liên quan đến đất đai nên trong khoảng thời gian từ tháng 4 đến tháng 9/2019, khi ông Trần Anh K và bà Phan Ngọc L đến nộp hồ sơ để làm thủ tục liên quan đến đất đai thì bị cáo đã nhiều lần nhắn tin, gọi điện xin tiền của ông K, bà L và đã nhận được của ông K 3 lần (lần đầu 1.500.000đ, lần hai 2.000.000đ, lần ba 1.000.000đ), bà L 01 lần 1.000.000đ, tổng số tiền 5.500.000đ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm a khoản 1 Điều 354 của Bộ luật Hình sự xét xử bị cáo về tội “Nhận hối lộ” là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; riêng đối với tình tiết bị cáo được tặng bằng khen do có thành tích xuất sắc trong công tác là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nhưng cấp sơ thẩm lại áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ này theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là chưa chính xác, cần điều chỉnh lại cho phù hợp. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng khoản 3 Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là đã thể hiện tính khoan hồng của pháp luật, mức án 01 năm tù là hoàn toàn tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nhưng việc cấp sơ thẩm trích dẫn quy định tại khoản 3 Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xét xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là chưa chính xác, cần nghiêm chỉnh rút kinh nghiệm. Mặt khác, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 3 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì bị cáo không đủ điều kiện được hưởng án treo. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, không chấp nhận đề nghị của người bào chữa, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Án phí hình sự phúc thẩm: Kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Hữu V. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Trần Hữu V phạm tội “Nhận hối lộ”.

Áp dụng điểm a khoản 1, 5 Điều 354; điểm b, s, v khoản 1, 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Hữu V 01 (Một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ nhất định trong thời gian 03 (Ba) năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt.

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

*Nơi nhận:*

- Bị cáo;
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- Công an tỉnh Hậu Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hậu Giang;
- TAND, VKSND, CQCSĐT, Chi cục THADS Tx. 3;
- Công an xã nơi bị cáo cư trú;
- Lưu: HSVA; THS; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đình Tiến**